TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5- CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **116**/2025/DS-ST
Ngày: 22-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Giáp Long.
2. Bà Nguyễn Bạch Nhạn.

- Thư ký phiên toà: Ông Lý Thành Công, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 91/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2025/QĐXXST-DS ngày 02/8/2025, giữa các đương sự:

– *Nguyên đơn:* Công ty T
Địa chỉ trụ sở: Số A đường N, Phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.
* Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1999. Địa chỉ: Số B đường P, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Văn bản ủy quyền ngày 07/10/2024) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

– *Bị đơn:* Bà Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1971.
Địa chỉ: Số D Khu dân cư T, Khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty T và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T: Vào ngày 08/8/2022, bà Nguyễn Ngọc Vân có đến Công ty T, chi nhánh tại địa chỉ số đường L, Phường C, thành phố S để ký hợp đồng cầm cố tài sản số STM220801007NA20X để cầm cố tài sản là: 01 xe môtô 02 bánh biển kiểm soát: 83P4-347.43; Loại xe: Piaggio Vespa, màu: Trắng; Số khung: RP8M45511LV000390, số máy: MA31M5027504; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe môtô số 298677 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 10/3/2020 để lấy số tiền 39.600.000 đồng (Ba mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng); Thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ ngày 08/8/2022 - 08/8/2023) với mức lãi suất là 1,1%/tháng.

Hợp đồng cầm cố tài sản số STM220801007NA20X được đăng ký giao dịch bảo đảm trên hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục quốc gia Giaodichdambao/botuphap:1471281461,theoweb:https://dktructuyen.moj.gov.vn/.

Theo hợp đồng cầm cố đã ký kết thì Công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền cho bà Nguyễn Ngọc V.

Do nhu cầu có xe đi lại hàng ngày nên cùng ngày bà V và Công ty có ký giấy mượn xe để sử dụng. Trong giấy mượn xe có ghi rõ thời hạn mượn xe từ 08/8/2022 đến 08/9/2022 địa điểm trả xe tại chi nhánh S. Bà V có cam kết trong giấy mượn xe "Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận".

Quá trình trả nợ bà V không thanh toán đúng theo hợp đồng. Đến nay hợp đồng đã quá hạn 814 ngày, bà V không trả nợ và cũng không trả lại xe cho Công ty. Nhân viên đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà bà V tại địa chỉ số 63, đường số D, Khu dân cư T, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nhưng không gặp. Công ty đã tạo điều kiện về thời gian để bà V trả tiền hoặc trả tài sản là xe máy đã cầm cố nhưng bà V không thực hiện và cố tình trốn tránh nghĩa vụ

Nay Công ty T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Ngọc V phải thanh toán cho Công ty T tổng số tiền gốc và lãi còn nợ tạm tính đến ngày 19/6/2025 tiền gốc: 27.934.907 đồng, lãi trong hạn: 2.458.272 đồng, lãi quá hạn: 10.294.013 đồng, phí quản lý hồ sơ: 1.117.396 đồng, phí mượn xe: 4.158.000 đồng, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 8.603.951 đồng.

Ngoài ra, bà Nguyễn Ngọc V còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 20/6/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 18/6/2025, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn không yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn trả các khoản phí, chỉ yêu cầu trả phần nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn.

– Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Ngọc V, nhưng bà V không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không đến tham gia phiên hòa giải cũng như không tham phiên tòa.

– Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Bị đơn bà Nguyễn Ngọc V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T, trong phạm vi được ủy quyền đã thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bị đơn trả các khoản phí. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của người đại diện ủy quyền của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung:

[3] Xét Hợp đồng cầm cố tài sản số STM220801007NA20X ngày 08/8/2022; Giấy mượn xe ngày 08/8/2022 giữa Công ty T với bà Nguyễn Ngọc V. Về tính hợp pháp của hợp đồng các bên đều có đủ tư cách chủ thể, có đủ năng lực hành vi dân sự nên chủ thể tham gia ký kết hợp đồng là hợp pháp. Hợp đồng được lập thành văn bản các bên đều tự nguyện ký tên, đóng dấu xác nhận nên hình thức hợp đồng hợp pháp. Đồng thời, việc cầm cố có đăng ký giao dịch bảo đảm trên hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục quốc gia: Giaodichdambao/botuphap, theo web: https://dktructuyen.moj.gov.vn. Các đương sự thỏa thuận về toàn bộ các điều khoản trong nội dung hợp đồng, tự nguyện ký kết, không bị lừa dối ép buộc và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 309, 310, 311, 312, 313, 314 Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực và buộc các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo hợp đồng.

[4] Theo lời trình bày của nguyên đơn, trong thời gian thực hiện hợp đồng, bà Vân vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T theo hợp đồng đã ký kết nêu trên. Bà V không thanh toán đúng theo hợp đồng. Đến nay hợp đồng đã quá hạn, bà V không trả nợ và cũng không trả lại xe cho Công ty T. Xét thấy việc bà V không trả tiền gốc và lãi cho Công ty T theo thoả thuận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 4 của Hợp đồng cầm cố tài sản và Điều 4 của phụ lục hợp đồng mà các bên đã ký kết. Do đó, Công ty T đã chấm dứt hợp đồng, thu hồi nợ và yêu cầu bà V phải thanh toán cho Công ty T số tiền gốc còn nợ là 27.934.907 đồng theo Điều 6 của Hợp đồng cầm cố tài sản là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, thấy rằng: Tại hợp đồng cầm cố tài sản số STM220801007NA20X ngày 08/8/2022, hai bên thỏa thuận mức lãi suất trong hạn là 1,1%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Thấy rằng, mức lãi suất của hợp đồng các bên đã ký kết là phù hợp theo quy định tại khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả lãi cho nguyên đơn theo hợp đồng đã giao kết. Xét thấy, quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn chưa trả gốc và lãi cho nguyên đơn. Do đó số tiền lãi trong hạn từ ngày 09/12/2022 đến ngày 08/8/2023 với mức lãi suất 1,1%/tháng là 2.458.272 đồng; lãi quá hạn với mức lãi suất 150%

lãi suất trong hạn từ ngày 09/8/2023 đến ngày 19/6/2025 là 10.294.013 đồng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là có căn cứ nên được chấp nhận. Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi mà bà V có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T có ngay là 40.687.192 đồng.

[6] Xét yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ ngày xét xử sơ thẩm của nguyên đơn theo mức lãi suất thoả thuận trong hợp đồng thấy rằng, yêu cầu này của nguyên đơn phù hợp với hợp đồng hai bên đã ký kết và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được chấp nhận.

[7] Sau khi bà Vân thi hành xong số tiền nợ cho Công ty T thì Công ty T có nghĩa vụ trả lại cho bà V Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 298677 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 10/3/2020, biển kiểm soát: 83P4-347.43; Loại xe: Piaggio Vespa, màu: Trắng; Số khung: RP8M45511LV000390, số máy: MA31M5027504.

[8] Nguyên đơn không yêu cầu xử lý tài sản cầm cố là xe mô tô biển kiểm soát: biển kiểm soát: 83P4-347.43; Loại xe: Piaggio Vespa, màu: Trắng; Số khung: RP8M45511LV000390, số máy: MA31M5027504 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Từ những phân tích trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí sơ thẩm là 2.034.359 đồng bà V phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 95, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 277, 280, 309, 310, 311, 312, 313, 314, 357,468 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T.

Buộc bà Nguyễn Ngọc V trả cho Công ty T số tiền còn nợ tính đến ngày 19/6/2025 tổng cộng là 40.687.192 đồng (Trong đó: Nợ gốc 27.934.907 đồng, lãi trong hạn 2.458.272 đồng, lãi quá hạn 10.294.013 đồng theo Hợp đồng cầm cố tài sản số STM220801007NA20X ngày 08/8/2022.

Kể từ ngày 23/8/2025, bà Nguyễn Ngọc V còn phải trả lãi cho nguyên đơn Công ty T theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố trên số tiền gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong số tiền gốc.

2. Sau khi bà Nguyễn Ngọc V thi hành xong số tiền nợ cho Công ty T thì Công ty T có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Ngọc V Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 298677 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 10/3/2020, biển kiểm soát 83P4-347.43; Loại xe: Piaggio Vespa, màu: Trắng; Số khung: RP8M45511LV000390, số máy: MA31M5027504.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Ngọc V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 2.034.359 đồng.

Công ty T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.106.813 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000162 ngày 21/3/2025 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố S.

4. Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, Điều 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Chiêm Ngọc Linh

Nơi nhận:
- VKSND KV5-CT;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.